

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 409/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-5-2021

V/v Tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Thanh

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa : Ông Nguyễn Hồng Dân – *Kiểm sát viên.*

Ngày 25 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 787/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 260/QĐST-HNGĐ ngày 29/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thùy Hương G – sinh năm 1990 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 557/35/22 H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lê Văn C – sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 257 T, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/9/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thùy Hương G có lời khai thể hiện:

Bà và ông Lê Văn C tự nguyện đến với nhau. Hai bên có tổ chức lễ cưới. Bà và ông C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 98 ngày 10/6/2016. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống cùng gia đình nhà của cha mẹ bà. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã. Ông C ham chơi, không chịu đi làm, kinh tế gia đình khó khăn. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, năm 2019 hai bên sống ly thân. Thời gian ly thân ông C ra ngoài thuê nhà sống riêng tại địa chỉ số 257 T, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng không liên lạc qua lại gì với nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Nay bà nhận thấy đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà yêu cầu giải quyết ly hôn với ông C.

Về quan hệ con chung: Không có

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà khai không có và không nợ ai.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Lê Văn C nhưng ông C vắng mặt. Ông C không có lời khai, cũng như Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà G có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông C vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết : Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn. Do bị đơn cư trú tại quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Thời hạn tố tụng: Vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, kiến nghị rút kinh nghiệm.

Về người tham gia tố tụng : Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ : Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án : Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn. Căn cứ lời khai và các chứng cứ thu thập được thể hiện vợ chồng bà G, ông C chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn. Thực tế vợ chồng không sống chung nhà, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông C không đến Tòa án để trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân, điều này thể hiện ông C không mong muốn hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, do đó yêu cầu xin ly hôn của bà G là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ con chung : Bà G khai không có, nên không xem xét giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Bà G khai không có và không nợ ai nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của bà Phan Thùy Hương G, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về “Ly hôn”. Do ông C hiện đang cư ngụ tại quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lê Văn C nhưng ông C vẫn vắng mặt. Bà G có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà G, ông C.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay bị đơn ông Lê Văn C không có mặt để trình bày lời khai và cung cấp chứng cứ, mặt dù đã được Tòa án thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ, yêu cầu của phía nguyên đơn bà G để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 98 do Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/6/2016 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thùy Hương G và ông Lê Văn C là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Bà G nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được do đó bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Căn cứ vào chứng cứ, lời khai của bà G và các chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay thể hiện thời gian vợ chồng bà G, ông C chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn. Hiện bà G và ông C không sống chung nhà, mỗi người tự lo cuộc sống của mình không quan tâm chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà G và ông C đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, ông C không đến Tòa án để trình bày lời khai, cũng như ý kiến của mình về quan hệ hôn nhân giữa hai bên, thể hiện ông C chưa thật sự thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng

nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Thực tế bà G, ông C không sống chung nhà thì hai bên không thể thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu xin ly hôn của bà G là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Bà G khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà G khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu ông C có chứng cứ cho rằng hai bên có tài sản chung và nợ chung thì được giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đồng bà G chịu, được trừ vào số tiền bà G đã tạm nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;
- Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thùy Hương G.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thùy Hương G được ly hôn với ông Lê Văn C. Quan hệ hôn nhân giữa bà G và ông C theo Giấy chứng nhận kết hôn số 98 do Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/6/2016, chấm dứt kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà G xác nhận không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đồng bà Phan Thùy Hương G chịu được trừ vào số tiền 300.000đồng mà bà G đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0070988 ngày 02/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q.Tân Phú ;
- Chi cục THA DS Q.Tân phú ;
- UBND phường B
Q. B, Thành phố Hồ chí minh.
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương